

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Trần Mai Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Hoàng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1996. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm B, xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An; địa chỉ cư trú hiện nay: **số D, Đường N, quận L, thành phố H, Đài Loan**. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh **Phạm Đức V**, sinh năm 1994. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm B, Xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Phạm Đức T**, sinh năm 1972 và bà **Lang Thị T1**, sinh năm 1975. Đều có địa chỉ: **xóm B, Xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị **Vũ Thị H** trình bày:

Chị và anh **Phạm Đức V** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q; sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian và sau đó cùng đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan; đến đầu năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do có quan điểm khác nhau về cách sống, nuôi dạy con, từ đó dẫn đến vợ chồng không quan tâm đến nhau nên không còn tìm được tiếng nói

chung trong cuộc sống; chị **H** xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài thời gian chỉ làm cho nhau đau khổ và sẽ ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý của con nhỏ. Vì vậy, chị **H** làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **H** được ly hôn với anh **Phạm Đức V**.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là **Phạm Đức A**, sinh ngày 17/9/2013; do chị **H** và anh **V** đi vắng nên có chung hiện nay đang ở với ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** là bố mẹ anh **V**; nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung căn cứ vào nguyện vọng của cháu **Phạm Đức A**, chị **H** tôn trọng nguyện vọng của con.

Về tài sản chung và nợ: chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh **Phạm Đức V**: sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh **Phạm Đức V** có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh **V**. Do anh **V** vắng mặt tại địa phương nên Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản nêu trên theo quy định của pháp luật. Theo trình bày của ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** (bố, mẹ của anh **V**) thì anh **V** hiện đang lao động ở Đài Loan, có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh **V** ở đâu; anh **V** đã biết việc chị **H** làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh **V** không có ý kiến gì.

Ý kiến của ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **V** là con của ông **T** và bà **T1**; anh **V** kết hôn với chị **H** và có một con chung là **Phạm Đức A**, sinh ngày 17/9/2013; quá trình anh **V**, chị **H** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đã gửi cho ông **T**, bà **T1** chăm sóc nuôi dưỡng; ông **T**, bà **T1** không yêu cầu Tòa án buộc chị **H**, anh **V** phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ trước đến nay; hiện nay ông **T**, bà **T1** vẫn đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Phạm Đức A** khi chị **H**, anh **V** đi vắng và không yêu cầu thanh toán các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo Công văn của **Cục Q**, **Bộ C1** thì anh **Phạm Đức V** có thông tin xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo ông **Phạm Đức C** và bà **Lang Thị T1** (bố mẹ của anh **V**) cung cấp thông tin hiện nay anh **V** đang ở Đài Loan như không biết nơi cư trú cụ thể;

anh **V** thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình và đã biết được việc chị **H** xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Việc anh **V** vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị **H** được ly hôn với anh **V**.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phạm Đức A**, sinh ngày 17/9/2013; cháu **A** hiện nay đang ở với ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** là bố mẹ anh **V**, nguyện vọng của cháu là muốn ở với bố; chị **H** tôn trọng nguyện vọng của con. Tuy nhiên anh **V** hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể; chị **H** đang ở nước ngoài nhưng có địa chỉ cụ thể. Vì vậy, giao con chung **Phạm Đức A**, sinh ngày 17/9/2013 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng; anh **V** có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh **Phạm Đức V**.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Vũ Thị H** hiện đang ở **Đài Loan** có địa chỉ cư trú là số 42, **Đường N, quận L, thành phố H, Đài Loan**; anh **Phạm Đức V** đang ở **Đài Loan** nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh **V** là ông **Phạm Đức T**, bà **Lang Thị T1** thì được cung cấp hiện nay anh **V** đang ở **Đài Loan**, thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình nhưng ông **T**, bà **T1** không biết địa chỉ cụ thể của anh **V**. Ngày 13/3/2023, **Cục Q** có công văn số 5131/QLXNC-P5 cung cấp thông tin anh **Phạm Đức V** xuất cảnh ngày 01/11/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do chị **H**, anh **V** trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại tỉnh Nghệ An và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông **Phạm Đức T**, bà **Lang Thị T1** (bố, mẹ của anh **V**) cung cấp hiện nay anh **V** đang đi xuất khẩu lao động ở **Đài Loan** nhưng không biết địa chỉ cụ thể; anh **V** vẫn gọi điện thoại về cho gia đình và đã biết được chị **H** khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng không so sý kiến. Như vậy, anh **V** đã biết chị **H** yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt tại phiên tòa là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị **H**, ông **T**, bà **T1** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị **Vũ Thị H** và anh **Phạm Đức V** kết hôn

với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định; sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau; hiện nay chị **H** và anh **V** đều ở nước ngoài, không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Phạm Đức V** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phạm Đức A**, sinh ngày 17/9/2013 hiện nay đang sống cùng với bố mẹ anh **V** là ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1**; chị **H**, anh **V** hiện nay đang ở nước ngoài, cháu **Phạm Đức A1** có nguyện vọng ở với anh **V**. Tuy nhiên anh **V** ở nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể, chị **H** sinh sống ở Đài Loan nhưng cư trú hợp pháp và có địa chỉ cụ thể. Để đảm bảo quyền lợi cho con cần giao cháu **Phạm Đức A** cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc quản lý, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị **H**, anh **V** đi vắng, ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu **Phạm Đức A**; ông **T**, bà **T1** không yêu cầu chị huyền, anh **V** phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu **A** từ trước đến nay. Hiện nay ông **T**, bà **T1** vẫn tự nguyện cam kết quản lý, chăm sóc cháu **Phạm Đức V** trong thời gian chị **H**, anh **V** chưa có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu thanh toán các khoản chi phí, chị **H** cũng đồng ý. Đây là sự tự nguyện của ông **T**, bà **T1** về việc quản lý chăm sóc con chung của chị **H**, anh **V** nên được ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng và công sức chăm sóc con chung: chị **Vũ Thị H**, ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** chưa yêu cầu, anh **Phạm Đức V** chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết.

[6] Tài sản chung và nợ chung: chị **Vũ Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **Phạm Đức V** vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[7] Về án phí: chị **Vũ Thị H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: cho chị **Vũ Thị H** ly hôn với anh **Phạm Đức V**.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: giao con chung **Phạm Đức A**, sinh ngày 17/9/2013 cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012684 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị **H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị **Vũ Thị H**, anh **Phạm Đức V** vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Ông **Phạm Đức T** và bà **Lang Thị T1** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã A, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh